

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG DVIC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG DVIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DVIC ENVIRONMENT TECHNOLOGY CORPORATION

Tên công ty viết tắt: DVIC ., CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109160900

3. Ngày thành lập: 23/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Căn hộ văn phòng số 2815, tầng 28, tòa nhà G3 - Vinhomes Green Bay, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
2.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
3.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Phá dỡ	4311
10.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
18.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
19.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
20.	Quảng cáo	7310
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

22.	Thu gom rác thải độc hại	3812
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Tái chế phế liệu	3830
25.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
26.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
29.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
33.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
34.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
35.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
36.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
37.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình - Giám sát công tác xây dựng: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Tư vấn lập hồ sơ mời thầu Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu	7110(Chính)

38.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
40.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
44.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
45.	Điều hành tua du lịch	7912
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
51.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH XUÂN ĐỨC	Số 169 Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.100.000	21.000.000.000	70,000	001072004301	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.100.000	21.000.000.000	70,000		
2	LÊ ANH TUẤN	A22 - TT Cục V26 Tổ 25a, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	036073006347	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		

3	VƯƠNG THỊ THẢO	TDP Số 5, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	030185000662
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN KIM VĨNH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/07/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001075016503

Ngày cấp: 08/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH606 – Nhà N6 Khu CC Đồng Tàu, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH606 – Nhà N6 Khu CC Đồng Tàu, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội